

Số: /KH-UBND

Ba Tơ, ngày tháng 3 năm 2023

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số huyện Ba Tơ năm 2023

Căn cứ Kế hoạch số 189/KH-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về Chuyển đổi số tỉnh Quảng Ngãi năm 2023. Ủy ban nhân dân huyện Ba Tơ ban hành Kế hoạch chuyển đổi số huyện Ba Tơ năm 2023, cụ thể như sau:

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW;
- Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia;
- Quyết định số 964/QĐ-TTg ngày 10/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược An toàn, An ninh mạng quốc gia, chủ động ứng phó với các thách thức từ không gian mạng đến năm 2025, tầm nhìn 2030;
- Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 13/10/2022 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh triển khai các hoạt động ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng Việt Nam;
- Chỉ thị số 60/CT-BTTTT ngày 16/9/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành về tổ chức triển khai diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn thông tin mạng;
- Công văn số 5406/BTTTT-CĐSQG ngày 03/11/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số năm 2023;
- Kế hoạch số 119/KH-UBND ngày 09/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi triển khai thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (*triển khai Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ*);
- Kế hoạch số 169/KH-UBND ngày 09/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về phát triển Chính quyền điện tử hướng đến Chính quyền số tỉnh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 (*triển khai Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ*);
- Quyết định số 2126/QĐ-UBND ngày 24/12/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Ngãi, phiên bản 2.0;
- Kế hoạch số 73/KH-UBND ngày 28/4/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 – 2025” (*triển khai Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ*);

- Kế hoạch số 120/KH-UBND ngày 09/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương (*triển khai Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ*);

- Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 24/12/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 458/QĐ-TTg ngày 03/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Lưu trữ tài liệu điện tử của các cơ quan nhà nước giai đoạn 2020 – 2025”;

- Kế hoạch số 166/KH-UBND ngày 17/10/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về tăng cường đảm bảo an toàn, an ninh thông tin trong hoạt động các cơ quan nhà nước tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 07/02/2023 về việc Ban hành bộ chỉ số đánh giá Chuyển đổi số (DTI) tỉnh Quảng Ngãi.

II. MỤC TIÊU

1. Hoàn thành các chỉ tiêu về phát triển Chính quyền điện tử

- *Về dịch vụ công trực tuyến (DVCTT)*: 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp ở mức độ dịch vụ công trực tuyến; tối thiểu 40% dịch vụ công trực tuyến đã được cung cấp có phát sinh hồ sơ.

- *Về phát triển hạ tầng, nền tảng*: Có trên 50% người dùng điện thoại thông minh trên tổng số người sử dụng điện thoại di động; có 40% hộ gia đình ở khu vực thị trấn, 10% hộ gia đình ở khu vực xã có thuê bao cáp quang băng rộng; tất cả cơ quan chính quyền các cấp được kết nối vào mạng Truyền số liệu chuyên dùng.

- *Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu huyện*: Kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia, tỉnh; Nền tảng giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOS) tỉnh được mở rộng phạm vi hoạt động, thường xuyên cung cấp thông tin với Nền tảng giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng quốc gia.

- *Về phát triển dữ liệu*: Các Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, đăng ký doanh nghiệp, bảo hiểm, tài chính được kết nối, khai thác, mở dữ liệu và tạo nguồn dữ liệu để phục vụ khai thác; dữ liệu về hồ sơ sức khỏe điện tử, thông tin về học sinh phổ thông tiếp tục được hoàn thiện; dữ liệu đăng ký kinh doanh cơ bản được số hóa; tài liệu lưu trữ, kết quả giải quyết TTHC còn hiệu lực được tiến hành số hóa.

- *Về phát triển các ứng dụng, dịch vụ cơ bản*: Triển khai hội nghị truyền hình cấp huyện; mô hình phòng họp không giấy. Văn bản được tạo lập và xử lý trên môi trường mạng, đối với cơ quan của huyện đạt tỷ lệ 100% và đạt tỷ lệ 90% cấp xã; văn bản phát hành được ký số, đạt tỷ lệ 95% đối với cơ quan cấp huyện và 90% đối với cấp xã. Cổng DVCTT và hệ thống một cửa điện tử có kết nối để chia sẻ dữ liệu với tất cả phân hệ nghiệp vụ của UBND huyện, UBND các xã, thị trấn. Trang thông tin điện tử thành phần của 100% cơ quan chính quyền cấp xã được triển khai, cung cấp thông tin.

2. Hoàn thành các chỉ tiêu cơ bản về Chính quyền số

- *Về cung cấp dịch vụ số*: Tăng tỷ lệ hồ sơ được xử lý trực tuyến; trên 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng với dịch vụ của cơ quan nhà nước. Thiết lập,

cung cấp một số dịch vụ số mới, trong đó có dịch vụ số được cung cấp bởi doanh nghiệp hoặc tổ chức ngoài nhà nước.

- *Về phát triển hạ tầng, nền tảng*: Tăng tỷ trọng người dùng Internet, người dùng điện thoại thông minh, hộ gia đình có thuê bao cáp quang băng rộng cố định. Nền tảng đám mây được triển khai đạt tỷ lệ 40%.

- *Về phát triển dữ liệu*: Tham gia cung cấp dữ liệu mở trên Cổng dữ liệu mở tỉnh. Có 5% xã, thị trấn thiết lập hệ thống bản đồ số, hệ thống dữ liệu số trong lĩnh vực nông nghiệp. Có 50% thông tin về nhu cầu tuyển dụng và nhu cầu tìm việc làm được giao dịch trên Internet.

- *Về phát triển các ứng dụng, dịch vụ cơ bản*: Có 20% cơ quan nhà nước triển khai công vụ làm việc, cộng tác trên môi trường số; có 100% cơ quan nhà nước cấp huyện triển khai công cụ báo cáo tự động theo yêu cầu trên hệ thống thông tin báo cáo tỉnh.

- Phần đầu chỉ số chính quyền số đạt thứ hạng khá của toàn tỉnh trong bảng xếp hạng DTI năm 2023.

3. Phát triển Kinh tế số

- 100% doanh nghiệp nộp thuế điện tử; thí điểm và thực hiện đo lường việc sử dụng hợp đồng điện tử, mức độ sử dụng hợp đồng điện tử đạt trên 5%; 10% doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số, 100% được tiếp cận thông tin và 5% tham gia chương trình SMEdx.

- Phần đầu tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đạt thứ hạng khá trong bảng xếp hạng DTI tỉnh.

4. Phát triển xã hội số

- Hoàn thành khối lượng người dân có danh tính số/tài khoản định danh điện tử; 60% dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán; 40% hộ gia đình có địa chỉ số; 30% người dân biết, tham gia sử dụng dữ liệu do cơ quan nhà nước cung cấp trên môi trường số.

- Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử đạt 70%; Tỷ lệ dân số trưởng thành có chữ ký số hoặc chữ ký điện tử cá nhân đạt trên 10%.

- Tỷ lệ các cơ sở giáo dục từ tiểu học đến trung học phổ thông hoàn thiện được mô hình quản trị số, hoạt động số, chuẩn hóa dữ liệu số, kho học liệu số mở đạt 50%.

- Phần đầu chỉ số xã hội số đạt thứ hạng khá của cả tỉnh trong bảng xếp hạng DTI.

5. Về bảo đảm an toàn thông tin

- Duy trì hệ thống thông tin được xác định cấp độ và được triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ.

- Thiết bị đầu cuối được cài đặt giải pháp bảo vệ đạt tối thiểu khoảng 20%.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan thuộc huyện được tuyên truyền, phổ biến về thói quen, trách nhiệm và đào tạo kỹ năng cơ bản về bảo đảm an toàn thông tin.

- 100% trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông được tuyên truyền, giáo dục kiến thức, kỹ năng cần thiết cho trẻ em để tham gia môi trường mạng an toàn.

III. NHIỆM VỤ

1. Nhận thức số

- Triển khai tuần lễ Chuyển đổi số năm 2023 bằng nhiều hoạt động tuyên truyền, hội nghị, hội thảo theo các chuyên đề và đặc biệt tổ chức hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng đi vào thực tế cuộc sống.

- Khai thác, chia sẻ cập nhật Cẩm nang chuyên đổi số tại địa chỉ: <https://dx.mic.gov.vn>.

- Phát huy hoạt động của Chuyên trang, chuyên mục về Chuyển đổi số để tăng cường phát hiện, chia sẻ các bài toán, sáng kiến, cách làm về Chuyển đổi số.

- Cán bộ, công chức, viên chức và người dân tham gia vào kênh truyền thông “Chuyển đổi số quốc gia” để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác.

- Tổ chức truyền thông trên Zalo, Fanpage, website để mở rộng sức ảnh hưởng, cung cấp thông tin và kỹ năng cho cộng đồng.

- Tổ chức triển khai hiệu quả, có ý nghĩa thiết thực các hoạt động, sự kiện hưởng ứng Ngày chuyển đổi số quốc gia năm 2023.

2. Thể chế số

- Xây dựng Kế hoạch truyền thông về chuyển đổi số năm 2023; Kế hoạch về phát triển hạ tầng số để phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số gắn với phát triển đô thị thông minh, y tế thông minh, giáo dục thông minh, du lịch thông minh.

- Xây dựng Kế hoạch triển khai tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin; xây dựng các đề án, kế hoạch về phát triển hạ tầng số phát triển chính quyền điện tử hướng đến chính quyền số gắn với phát triển đô thị thông minh, y tế thông minh, giáo dục thông minh, du lịch thông minh.

- Hướng dẫn áp dụng các tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số giữa các hệ thống thông tin trên địa bàn huyện.

- Thực hiện chính sách khuyến khích về sử dụng chữ ký số và sử dụng hợp đồng điện tử, chính sách phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

3. Hạ tầng số

- Quy hoạch, phân bổ dải địa chỉ IPv6 và từng bước thực hiện chuyển đổi; phát triển hạ tầng số tới cấp xã, cơ quan, đơn vị thuộc huyện; Trong đó, ưu tiên xây dựng, sử dụng hạ tầng số dùng chung trên cơ sở xác định đúng, đủ nhu cầu (máy tính, mạng LAN, kết nối Internet, kết nối WAN...; Trung tâm dữ liệu; ứng dụng điện toán đám mây; kho dữ liệu, lưu trữ tập trung; chữ ký số; mạng truyền số liệu chuyên dùng; hạ tầng IoT...).

- Triển khai sử dụng hoặc dịch chuyển lên nền tảng điện toán đám mây, trong đó đặc biệt chú trọng tới việc rà soát, đánh giá, bảo đảm Trung tâm dữ liệu

và nền tảng, dịch vụ điện toán đám mây phục vụ chính quyền số tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

- Đẩy nhanh tốc độ phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng đến tất cả khu vực dân sinh; tăng nhanh tỷ lệ dân số trưởng thành, hộ gia đình có điện thoại thông minh, gia đình có kết nối Internet.

- Từng bước phát triển hệ thống truyền thanh theo hướng có ứng dụng công nghệ thông tin – viễn thông; thực hiện truyền thanh số, truyền thanh IP.

- Phát triển hệ thống giám sát, để triển khai đô thị thông minh của huyện hướng đến kết nối, cung cấp dịch vụ, tiện ích như: giám sát điều hành giao thông và an ninh trật tự; giám sát thông tin trên môi trường mạng; giám sát an toàn thông tin Y tế, Du lịch và Giáo dục thông minh.

4. Dữ liệu số

- Triển khai hiệu quả công tác số hóa tài liệu lưu trữ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực, hồ sơ trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính; triển khai cung cấp DVCTT theo hướng toàn trình trong phạm vi quản lý theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022.

- Phát triển dữ liệu số của cơ quan trong đó ưu tiên xây dựng, sử dụng các cơ sở dữ liệu dùng chung, các cơ sở dữ liệu quốc gia. Thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước, tạo dữ liệu mở để tạo điều kiện phát triển kinh tế số, xã hội số.

5. Nền tảng số

- Chú trọng triển khai nền tảng số cơ bản theo Công văn số 1446/UBND-KGVX ngày 31/3/2022, Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 11/7/2022; lựa chọn triển khai nền tảng số khác phù hợp nhu cầu và hiện trạng ứng dụng công nghệ thông tin trong huyện.

- Khai thác các nền tảng số để các cơ quan nhà nước quản lý, điều hành nghiệp vụ chuyên ngành dựa trên dữ liệu, đồng bộ, thông suốt từ trung ương đến địa phương.

6. Nhân lực số

- Tăng cường hoạt động của Ban chỉ đạo Chuyển đổi số cấp huyện; triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng các cấp, tập trung phổ cập người dân sử dụng DVCTT, các sàn thương mại điện tử; thanh toán không dùng tiền mặt, sử dụng các dịch vụ số thiết yếu và kỹ năng tương tác an toàn trên môi trường số.

- Bồi dưỡng tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý về Chuyển đổi số để thực hiện nhiệm vụ, đặc biệt chú trọng tới tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu để ra quyết định và hoạch định chính sách do Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức.

- Phổ biến, chia sẻ kinh nghiệm về nội dung, mô hình chuyển đổi số; chủ động triển khai sáng kiến mới. Thường xuyên khai thác Cẩm nang Chuyển đổi số tại dx.mic.gov.vn; liên tục chia sẻ bài học, kinh nghiệm Chuyển đổi số tại t63.mic.gov.vn; tham khảo các bài toán Chuyển đổi số tại c63.mic.gov.vn

- Tổ chức triển khai hiệu quả, có ý nghĩa thiết thực các hoạt động, sự kiện hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023 (vào ngày 10/10/2023).

7. An toàn thông tin mạng

a) Bảo đảm an toàn thông tin theo cấp độ

Triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

b) Nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng

Tổ chức phổ biến, quán triệt hai nguyên tắc bảo đảm an toàn thông tin mạng.

c) Trang thiết bị, giải pháp an toàn thông tin mạng

- Đầu tư trang thiết bị, giải pháp kỹ thuật, nhân lực vận hành an toàn thông tin, triển khai các giải pháp phòng, chống mã độc tập trung.

- Mở rộng phạm vi, quy mô giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng (SOC), tăng số lượng hệ thống thông tin được giám sát trực tiếp và kết nối chia sẻ dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (NCSC).

- Tổ chức triển khai đầy đủ các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin mạng; phần mềm nội bộ phải tuân thủ theo quy trình Khung phát triển phần mềm an toàn; hệ thống thông tin được quản lý, vận hành theo mô hình 4 lớp.

d) Kế hoạch nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân.

- Kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin đối với các đơn vị trực thuộc theo quy định tại Nghị định số 85/2021/NĐ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Cử công chức, viên chức tham gia đào tạo hoặc cử nhân sự chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin/công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin.

- Triển khai phương án về ứng phó sự cố; tham gia hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng tỉnh.

- Rà soát đánh giá tỷ lệ chi cho bảo đảm an toàn thông tin.

8. Chính quyền số

- Tiếp tục nâng cao, mở rộng việc triển khai DVCTT, nâng tỷ lệ tài khoản và mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về sử dụng DVCTT.

- Từng bước tự động hóa công tác thống kê, báo cáo phục vụ chỉ đạo, điều hành, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu; kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

- Triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, người dân và học sinh nhằm nâng cao hiệu quả và năng suất lao động, học tập.

- Nâng cao hàm lượng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong hoạt động của chính quyền số, tạo tiền đề để phát triển các dịch vụ thông minh một cách phù hợp; ưu tiên phát triển trước các dịch vụ giải quyết các vấn đề bức thiết của xã hội.

- Xây dựng Phòng họp không giấy nhằm nâng cao tính hiệu quả cũng như tiết kiệm thời gian, văn phòng phẩm của các phiên họp, đồng thời tăng tính kịp thời, nâng cao hiệu quả trong xử lý công việc, quản lý cũng như việc điều hành.

- Phát triển các ứng dụng, dịch vụ chuyên ngành phục vụ nội bộ, tuân thủ Kiến trúc chính quyền điện tử nhằm đáp ứng khả năng và kết nối, chia sẻ dữ liệu, chú trọng yêu cầu kết nối để giám sát phục vụ công tác quản lý nhà nước; tập trung triển khai các ứng dụng phục vụ người dân.

- Chủ động phối hợp với các sở, ngành để lựa chọn và phát triển ứng dụng, dịch vụ một cách phù hợp để tiết kiệm chi phí, thời gian triển khai. Dữ liệu được hình thành từ các ứng dụng, dịch vụ dùng chung được chia sẻ khi có nhu cầu.

- Tiếp tục ứng dụng các công nghệ số mới như điện tử đám mây (Cloud Computing), di động (Mobility), mạng xã hội... trong xây dựng, triển khai các ứng dụng, dịch vụ. Từng bước thiết lập hạ tầng để cung cấp dịch vụ số.

- Triển khai đo lường, đánh giá về Chính quyền số.

9. Kinh tế số

- Đẩy mạnh công tác truyền thông về Chuyển đổi số trong doanh nghiệp bằng nhiều hình thức (*trên các phương tiện thông tin đại chúng, truyền thanh cơ sở, mạng xã hội, các hoạt động hội nghị hội thảo*).

- Đẩy mạnh việc ứng dụng chữ ký số trong cơ quan nhà nước, thúc đẩy sử dụng Hợp đồng điện tử giữa cơ quan nhà nước với các tổ chức kinh tế, cá nhân nhằm tạo môi trường thúc đẩy doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử.

- Tiếp tục tổ chức triển khai hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn theo hướng dẫn tại Quyết định số 1034/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 và Quyết định số 350/QĐ-BTTTT ngày 24/02/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Triển khai Chương trình đánh giá xác định chỉ số mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp Chuyển đổi số theo Nghị định 80/2021/NĐ-CP, Thông tư 06/2022/TT-BKHĐT, Quyết định số 1970/QĐ-BTTTT ngày 13/12/2021, Quyết định số 377/QĐ-BTTTT ngày 26/3/2022.

10. Xã hội số

- Tăng nhanh số lượng người dân có danh tính số/tài khoản định danh điện tử, có tài khoản giao dịch tại ngân hàng/ tổ chức hợp pháp, có chữ ký số/chữ ký điện tử cá nhân, hộ gia đình có địa chỉ số. Tạo thuận lợi để người dân tham gia vào cùng cơ quan nhà nước giải quyết vấn đề của địa phương.

- Hỗ trợ, thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục, bệnh viện, cơ sở y tế theo các chỉ tiêu, tiêu chí theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Phát triển các DVCTT dựa trên nhu cầu người dân, người dân chỉ cung cấp thông tin một lần, tận dụng sức mạnh của công nghệ để phát triển các dịch vụ số mới, đồng thời cắt giảm một số dịch vụ không cần thiết.

IV. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Tăng cường công tác nâng cao nhận thức cộng đồng bằng việc phát huy hệ thống truyền thông cơ sở; tăng cường vai trò của Tổ Công nghệ số cộng đồng; triển khai hiệu quả Tổng đài AI hỗ trợ người dân, doanh nghiệp.

- Tổ chức đào tạo kỹ năng số trong các bậc học phổ thông; chọn lựa, sử dụng nền tảng đào tạo kỹ năng số phù hợp người dân; thiết lập, phổ biến các nền tảng, kênh tương tác giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

- Huy động sự vào cuộc của các doanh nghiệp bằng các hình thức thuê dịch vụ, nhất là các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ công nghệ số trên địa bàn huyện.

- Phối hợp doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công thông qua mạng bưu chính công cộng, mạng xã hội, ứng dụng của doanh nghiệp; tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số.

- Tăng cường hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm với một số huyện/thành phố về cơ chế, chính sách, mô hình phát triển chuyên đổi số; học tập, chia sẻ kinh nghiệm, tham gia các hội thảo.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tại nguồn chi thường xuyên của huyện.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

- Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai nhiệm vụ được giao tại cơ quan, đơn vị, địa phương mình.

- Chủ động điều chỉnh các quy định về quan hệ phối hợp, các quy trình hành chính phù hợp với việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại Kế hoạch này phù hợp với tình hình thực tế tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Báo cáo kết quả thực hiện công tác chuyên đổi số về UBND huyện (*qua Phòng Văn hóa và Thông tin*) theo quý, năm (*trước ngày 12 hàng tháng của tháng cuối quý và ngày 15 tháng 11 năm 2023 của năm*).

2. Phòng Văn hóa và Thông tin

- Tăng cường công tác tham mưu về hoạt động của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số huyện, hướng dẫn nội dung hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng.

- Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan trong việc chuẩn xác hóa nội dung đề xuất của các cơ quan, đơn vị, tham mưu việc bố trí thời điểm thực hiện đảm bảo hợp lý, đồng bộ trong việc thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch.

- Hướng dẫn, làm đầu mối triển khai; theo dõi, kiểm tra, thực hiện chế độ thông tin báo cáo về triển khai Kế hoạch đối với UBND huyện và Sở Thông tin và Truyền thông.

3. Phòng Nội vụ

Phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin trong việc xây dựng nội dung chương trình các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, kỹ năng ứng dụng CNTT của cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với nhu cầu triển khai Kế hoạch này.

4. Văn phòng HĐND&UBND huyện

- Chủ trì phối hợp với Phòng Nội vụ, Phòng Văn hóa và Thông tin hướng dẫn các ngành, địa phương thực hiện quy trình nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, cải cách chế độ báo cáo trong các cơ quan hành chính nhà nước.

- Phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin trong việc tổ chức đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện Kế hoạch này.

5. Phòng Tài chính – Kế hoạch

Bố trí kinh phí đảm bảo khả năng thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch, đảm bảo nhu cầu triển khai Chuyên đề số tại địa phương theo mục tiêu Kế hoạch.

Trong quá trình thực hiện Kế hoạch, nếu có phát sinh vướng mắc cần phải điều chỉnh, bổ sung nội dung liên quan cho phù hợp thực tiễn, các cơ quan, tổ chức, đơn vị kịp thời báo cáo UBND huyện (*qua phòng Văn hóa và Thông tin*) để xem xét, chỉ đạo thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND huyện;
- CT, PCT UBND huyện;
- Các cơ quan, ban ngành thuộc huyện;
- Văn phòng HĐND&UBND huyện;
- Lưu: VT, VHHT.

CHỦ TỊCH

Phạm Xuân Vinh